

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-ST
Ngày 20-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Ngọc Thành
- Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 01/TB-TA ngày 05 tháng 11 năm 2022, đối với:

- Bị cáo Lê Văn N, sinh năm 1980; tên gọi khác: Không; tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1943 và bà Hồ Thị T, sinh năm 1946 (chết); tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; bắt tạm giam: Ngày 02/10/2021.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Phạm Thị N, sinh năm 1972, *có đơn xin vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp 3, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Ngọc P, sinh năm 1986, *có đơn xin vắng mặt.*

2. Võ Văn B, sinh năm 1990, *có đơn xin vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978, *có đơn xin vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Văn H, sinh năm 1972, *vắng mặt*

5. Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1976, *vắng mặt*.

6. Nguyễn Thị K, sinh năm 1947, *vắng mặt*.

7. Nguyễn Thị T, sinh năm 1965, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 09/6/2021, Lê Văn N đi bộ đến nhà bà Phạm Thị N cùng ngụ ấp K, xã A, phát hiện không có ai ở nhà, đã khóa cửa, N đi đến vách nhà dùng tay kéo vách tol, chui vào nhà quan sát thấy sọt quần áo lút tìm tài sản, lấy một bóp da, bên trong có 2 biên nhận cầm vàng tại tiệm vàng Kim D nên đã trộm cái bóp, tẩu thoát ra ngoài. Trên đường đi, N mở bóp ra thấy 02 chiếc nhẫn loại vàng 18K, bỏ vào túi quần bên phải, 02 biên nhận bỏ vào túi quần bên trái, riêng cái bóp ném bỏ.

Khi về đến nhà, N điều khiển xe mô tô (loại dream, màu nâu, không nhớ biển số) đến nhà bạn tên Võ Văn B, N nói với B, biên nhận của bà dì phơi đồ làm roi, nhờ B đến tiệm vàng Kim D bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng, nghe vậy B đồng ý và một mình đến tiệm vàng Kim D tại ấp H, xã A, gặp ông Nguyễn Văn Đ (chủ tiệm) nói bán vàng. Ông Đ kiểm tra 2 biên nhận cầm đồ gồm: 01 dây chuyền vàng 18K cầm 5.000.000đồng, 1 lắc vàng 18K cầm 9.000.000đồng của bà N cầm tại tiệm vàng Kim D. Xác định đúng biên nhận của tiệm vàng, nên ông Đ cho B bán, trừ tiền gốc và lãi, còn lại đưa B 3.180.000đồng, B về đưa N 3.180.000đồng, N cho B 100.000đồng, lúc này Trần Ngọc P đi bộ đến, N cho G 80.000đồng. Sau đó N mua ma túy số tiền 200.000đ về sử dụng chung với B, P, số tiền còn lại N mua số (loại số đề) người lạ không biết tên và địa chỉ thua hết tiền. Riêng 02 chiếc nhẫn loại vàng 18K, ngày 24/6/2021 N đánh bạc cùng với những người lạ không biết tên và địa chỉ tại phường A, thành phố H, nhờ một người tên Đ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đem cầm 2 chiếc nhẫn số tiền 1.800.000đồng, N đánh bạc thua hết tiền. Đến ngày 05/7/2021, tại cơ quan điều tra Lê Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 đĩa DVD bên trong có chứa đoạn clip trong đó 01 đoạn có dung lượng 101,493 KB thu tại camera số 2, 01 đoạn clip có dung lượng 114,006 KB thu tại camera số 3, 01 đoạn clip có dung lượng 116,305 KB thu tại camera số 4, ghi lại quá trình Võ Văn B mang 02 biên nhận cầm vàng đến tiệm vàng Kim D kêu bán vàng còn lại trong 02 biên nhận; 02 biên nhận cầm vàng tiệm vàng “Kim D”.

Bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng

Tháp, kết luận: Một (01) chiếc nhẫn có cán hột đá màu xanh, hình chữ nhật, bốn góc hình chữ nhật có cán hột đá màu trắng, được bao bọc bằng vàng 18 kara, trọng lượng 6,3 phân và 01 chiếc nhẫn trơn, trọng lượng 5,3 phân, loại vàng 18 kara, tổng trọng lượng 02 chiếc nhẫn vàng 18kara là 1 chỉ, 1 phân, sáu ly, giá trị định giá là 3.100.000đồng/1 chỉ x 1,16 chỉ = 3.596.000đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Một (01) sợi dây chuyền vàng 18kara, dạng ống, trọng lượng 2 chỉ 03 phân 09 ly (2,39 chỉ) và một lắc tay dạng miếng, vàng 18kara, trọng lượng 3 chỉ 03 phân 04 ly (3,34 chỉ), tổng trọng lượng hai tài sản là 5,73 chỉ (năm chỉ, bảy phân, ba ly), giá trị định giá là 2.800.000đồng/1 chỉ x 5,73 chỉ = 16.044.000đồng.

Tại Cáo trạng số: 55/CT-VKS-TN ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Văn N, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Lê Văn N khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh hiện trường ngày 10/6/2021 của Công an huyện T; Tờ tự khai ngày 05/7/2021 của bị cáo; Lời khai bị hại, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Đối với 2 biên nhận cầm vàng tại tiệm vàng Kim D khi bị cáo thực hiện hành vi trộm 2 biên nhận cầm vàng này không có giá trị. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khẳng định mục đích đến nhà bà Phạm Thị N để trộm biên nhận cầm vàng, do trước đó bị cáo có đến nhà bà N hỏi mượn vàng bà N nói vàng đã cầm không còn và đưa biên nhận cho bị cáo nhưng bị cáo không xem và bị cáo thấy bà N để biên nhận cầm vàng trong bóp da và để trong sọt quần áo bị cáo thấy, bị cáo nghĩ biên nhận này sẽ còn dư tiền nên nảy sinh ý định trộm biên nhận cầm vàng để đem lại nơi cầm bán. Khi trộm được, bị cáo nói dối 2 biên nhận cầm vàng là của chị phơi đồ làm rách kêu Võ Văn B đi lại tiệm vàng Kim D bán luôn giá trị vàng cầm còn lại trong biên nhận để chiếm đoạt số tiền là 3.180.000đồng nên xem xét hành vi trộm cắp tài sản cùng với 02 chiếc nhẫn loại vàng 18kara gồm: 01 chiếc trọng lượng 6,3 phân và 01 chiếc trọng lượng 5,3 phân có giá trị là 3.596.000đồng là phù hợp có lợi cho bị cáo.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ, ngày 09/6/2021, thấy nhà bà Phạm Thị N cùng ngụ ấp K, xã A khóa cửa không người ở nhà, bị cáo Lê Văn N đã lén lút vào trong nhà, lấy trộm một bóp da, bên trong có 02 biên nhận cầm vàng tại tiệm vàng Kim D gồm: 01 biên nhận cầm 01 sợi dây chuyền vàng 18kara, dạng ống, trọng lượng 2,39 chỉ và 01 biên nhận cầm một lắc tay dạng miếng, vàng 18kara, trọng lượng 3,34 chỉ, tổng cộng 5,73 chỉ vàng 18 kara theo Kết luận định giá 5,73 chỉ vàng 18 kara bà N cầm tại tiệm vàng Kim D, có giá trị 16.044.000đồng nhưng số tiền bị cáo N chiếm đoạt từ việc bán vàng, trừ tiền gốc và lãi cầm vàng chỉ còn 3.180.000đồng; 02 chiếc nhẫn loại vàng 18kara, 01 chiếc trọng lượng 6,3 phân và 01 chiếc trọng lượng 5,3 phân theo Kết luận định giá có tổng giá trị 3.596.000đồng. Tổng cộng bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.776.000đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phần nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài và đề mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại xong; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ngày 03/11/2021 bị cáo Lê Văn N đã bồi thường cho Phạm Thị N số tiền 7.500.000đồng, bà N đã nhận tiền xong không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 đĩa DVD bên trong có chứa đoạn clip trong đó 01 đoạn có dung lượng 101,493 KB thu tại camera số 2, 01 đoạn clip có dung lượng 114,006 KB thu tại camera số 3, 01 đoạn clip có dung lượng 116,305 KB thu tại camera số 4, ghi lại quá trình Võ Văn B mang 02 biên nhận cầm vàng đến tiệm vàng Kim D kêu bán vàng còn lại trong 02 biên nhận; 02 biên nhận cầm vàng tiệm vàng “Kim D”. Xét thấy, đây là chứng cứ chứng minh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tích lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với Võ Văn B không biết 2 biên nhận cầm vàng do bị cáo Lê Văn N trộm cắp mà có. Việc đi bán vàng do bị cáo N kêu B mục đích để có tiền mua ma túy sử dụng chung nên không xem xét xử lý trách nhiệm đồng phạm trong vụ án.

[8] Đối với Trần Ngọc P (G) không biết số tiền 80.000đồng bị cáo Lê Văn N cho là do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

[9] Đối với người tên Đ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) không biết 2 chiếc nhẫn vàng do bị cáo Lê Văn N trộm mà có nhờ Đ đi cầm dùm, bị cáo N không biết Đ cầm vàng dùm ở đâu nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[10] Đối với xe mô tô loại dream, màu nâu, không nhớ biển số do bị cáo Lê Văn N điều khiển đến nhà B là của anh Lê Văn H (anh N), việc bị cáo N lấy xe đi làm gì H không biết và xe đã trả lại anh H. Trong quá trình điều tra anh H khai xe mô tô trên khi bị cáo trả lại anh điều khiển đi làm thuê thì bị trộm mất không liên quan bị cáo N, xe không thu giữ xe được và anh H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác nên không có cơ sở xử lý.

[11] Đối với việc bị cáo Lê Văn N mua số (loại số đề) của người lạ không biết tên, địa chỉ; đánh bạc cùng với những người lạ không biết tên, địa chỉ và mua ma túy của người lạ không biết tên, địa chỉ tại phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, chỉ có lời khai của bị cáo N, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên không căn cứ xử lý. Đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[12] Đối với cái bóp da của bà Phạm Thị N không yêu cầu định giá, không yêu cầu bị cáo Lê Văn N bồi thường nên không xem xét.

[13] Đối với số tiền bị cáo Lê Văn N cho Võ Văn B 100.000đồng và Trần Ngọc P 80.000đồng do bị cáo thấy B, P không có tiền tiêu xài nên bị cáo N tự nguyện cho không yêu cầu B, P trả lại nên không xem xét.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02 tháng 10 năm 2021.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD bên trong có chứa đoạn clip trong đó 01 đoạn có dung lượng 101,493 KB thu tại camera số 2, 01 đoạn clip có dung lượng 114,006 KB thu tại camera số 3, 01 đoạn clip có dung lượng 116,305 KB thu tại camera số 4, ghi lại quá trình Võ Văn B mang 02 biên nhận cầm vàng đến tiệm vàng Kim D kêu bán vàng còn lại trong 02 biên nhận; 02 biên nhận cầm vàng tiệm vàng “Kim D”. Vật chứng hiện đang lưu hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông